

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI**
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 24./KT
V/v công bố thông tin

Yên Bái, ngày 18 tháng 01 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

1. Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
2. Mã chứng khoán: CAP
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số nhà 279, đường Nguyễn Phúc, phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
4. Điện thoại: 02163.862.278 - Fax: 02163.862.804
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Thanh Sơn
6. Điện thoại: 0944278586
7. Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ Bất thường Theo yêu cầu Định kỳ
8. Nội dung công bố thông tin:
 - 8.1. Báo cáo tài chính tổng hợp quý I niên độ 2022-2023 (kỳ kế toán từ 01/10 đến 31/12/2022):
 - Bảng cân đối kế toán;
 - Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
 - Bản thuyết minh báo cáo tài chính;
 - 8.2. Nội dung giải trình:
 - Công văn số 24./KT ngày 18/01/2023 về việc giải trình chênh lệch 10% lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp.
9. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính tại www.yfatuf.com.vn
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP


NGƯỜI THỰC HIỆN CBTT
Nguyễn Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG
SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
Mã CK: CAP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: *B.*/KT

Yên Bái, ngày 18 tháng 01 năm 2023

V/v giải trình chênh lệch 10% lợi
nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm
trước tại BCTC tổng hợp

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX)

Thực hiện theo khoản 4, điều 14, chương III, thông tư 96/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 16/11/2020. Công ty cổ phần lâm nông sản thực phẩm Yên Bái xin giải trình nguyên nhân biến động lợi nhuận sau thuế của kỳ này so với cùng kỳ năm trước như sau:

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty quý I niên độ 2022-2023 (từ ngày 01/10 đến 31/12/2022) có kết quả như sau:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán : 20.002.342.642 đồng
này niên độ 2022-2023
- Lợi nhuận sau thuế TNDN cho kỳ kế toán : 16.906.325.576 đồng
này niên độ 2021-2022
- Chênh lệch tăng : 18,3%

Nguyên nhân:

- Việc sản xuất kinh doanh các sản phẩm hiện có được ổn định, chi phí sản xuất giảm hơn so với cùng kỳ năm trước.

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm so với cùng kỳ năm trước là 4,4%;

- Giá vốn hàng bán giảm so với cùng kỳ năm trước là 9,1%%;

Từ những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính tổng hợp năm nay tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng!

Nơi nhận: *fn*

- Như trên
- Lưu VP



GIÁM ĐỐC CÔNG TY

cm
Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI
YENBAI JOINT-STOCK FORES-AGRICUL TURAL AND FOODSTUFFS COMPANY

Address: 279 Nguyen Phuc – Nguyen Phuc Ward – Yen Bai City – Yen Bai Province

Email: Yfatuf@gmail.com

Website: www.yfatuf.com.vn



BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

QUÝ I NIÊN ĐỘ 2022-2023

Kính gửi:.....



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN***Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2022)	Số đầu năm (01/10/2022)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		215.894.209.549	188.515.183.067
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	82.675.480.119	153.562.737.459
1. Tiền	111		3.075.480.119	26.362.737.459
2. Các khoản tương đương tiền	112		79.600.000.000	127.200.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		21.891.794.476	17.568.182.688
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	19.702.818.470	16.287.678.416
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.209.903.676	245.258.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	984.729.880	1.040.903.322
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(5.657.550)	(5.657.550)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	
IV. Hàng tồn kho	140		109.923.007.969	17.146.104.503
1. Hàng tồn kho	141	V.6	109.923.007.969	17.146.104.503
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.403.926.985	238.158.417
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	557.130.798	145.494.540
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		846.796.187	92.663.877
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		42.818.653.154	44.505.340.905
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2022)	Số đầu năm (01/10/2022)
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		35.140.911.591	38.021.917.787
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	35.140.911.591	38.021.917.787
- Nguyên giá	222		176.998.135.567	177.076.240.922
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(141.857.223.976)	(139.054.323.135)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	0	-
- Nguyên giá	228		171.000.000	171.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(171.000.000)	(171.000.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.479.095.146	3.411.653.220
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	5.479.095.146	3.411.653.220
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.13	2.198.646.417	3.071.769.898
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	2.198.646.417	3.071.769.898
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2022)	Số đầu năm (01/10/2022)
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		258.712.862.703	233.020.523.972
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		55.121.297.693	38.826.273.140
I. Nợ ngắn hạn	310		55.094.447.693	38.799.423.140
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11a	18.707.601.223	6.827.112.676
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	471.611.957	684.844.801
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	2.035.561.209	12.363.714.140
4. Phải trả người lao động	314		10.059.017.486	4.785.847.803
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.652.824.045	688.097.362
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	5.583.071.169	6.147.877.482
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		8.406.624.758	5.983.221.494
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.16	7.178.135.846	1.318.707.382
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		26.850.000	26.850.000
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.11b	1.850.000	1.850.000
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	25.000.000	25.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ (31/12/2022)	Số đầu năm (01/10/2022)
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		203.591.565.010	194.194.250.832
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	203.591.565.010	194.194.250.832
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		78.539.680.000	78.539.680.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		78.539.680.000	78.539.680.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		323.060.671	323.060.671
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		41.002.773.233	9.187.651.245
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		83.726.051.106	106.143.858.916
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		63.723.708.464	93.452.288
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		20.002.342.642	106.050.406.628
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		258.712.862.703	233.020.523.972

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn



Lập, ngày 12 tháng 01 năm 2023

Giám đốc



Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Quý I niên độ 2022-2023 (từ 01/10-31/12/2022)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ I NIÊN ĐỘ 2022-2023		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm nay (01/10-31/12/2022)	Năm trước (01/10-31/12/2021)	Năm nay (01/10-31/12/2022)	Năm trước (01/10-31/12/2021)
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	158.113.236.926	165.298.580.147	158.113.236.926	165.298.580.147
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10	VI.1	158.113.236.926	165.298.580.147	158.113.236.926	165.298.580.147
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	119.741.319.458	131.740.114.979	119.741.319.458	131.740.114.979
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		38.371.917.468	33.558.465.168	38.371.917.468	33.558.465.168
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	1.257.085.409	822.744.759	1.257.085.409	822.744.759
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	302.977.771	155.383.009	302.977.771	155.383.009
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		0	1.890.400	0	1.890.400
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.206.851.422	5.377.890.998	8.206.851.422	5.377.890.998
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	7.068.489.192	6.562.425.268	7.068.489.192	6.562.425.268
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		24.050.684.492	22.285.510.652	24.050.684.492	22.285.510.652
11. Thu nhập khác	31	VI.7	0	0	0	0
12. Chi phí khác	32	VI.8	46.000.000	472.132.983	46.000.000	472.132.983
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(46.000.000)	(472.132.983)	(46.000.000)	(472.132.983)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		24.004.684.492	21.813.377.669	24.004.684.492	21.813.377.669
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	4.002.341.850	4.907.052.093	4.002.341.850	4.907.052.093
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				0	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		20.002.342.642	16.906.325.576	20.002.342.642	16.906.325.576
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70	VI.10	2.547	3.229	2.547	3.229

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn



Yên Bái, ngày 01 năm 2023

Giám đốc

Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ***(Theo phương pháp gián tiếp) (*)***Quý I niên độ 2022-2023 (từ 01/10-31/12/2022)**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-31/12/2022)	Năm trước (01/10-31/12/2021)
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		24.004.684.492	21.813.377.669
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.186.564.196	3.275.954.335
- Các khoản dự phòng	03		2.423.403.264	9.621.437.633
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		275.530.266	112.022.633
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		954.107.638	667.361.750
- Chi phí lãi vay	06		0	1.890.400
- Các khoản điều chỉnh khác	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		30.844.289.856	35.492.044.420
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.077.744.098)	(2.047.571.611)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(92.776.903.466)	(75.617.879.309)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		6.412.255.990	11.920.248.508
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		461.487.223	201.355.648
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13			
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(1.890.400)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(7.819.666.143)	(4.559.368.671)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16			
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.564.100.000)	(957.960.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(69.520.380.638)	(35.571.021.415)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.372.999.926)	(1.039.674.545)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm	
			Năm nay (01/10-31/12/2022)	Năm trước (01/10-31/12/2021)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.006.250.587	594.097.247
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.366.749.339)	(445.577.298)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33		0	0
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		0	0
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		0	0
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(70.887.129.977)	(36.016.598.713)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		153.562.737.459	78.943.429.566
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(127.363)	(58.997.422)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		82.675.480.119	42.867.833.431

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn



Lập, ngày 17 tháng 01 năm 2023

Giám đốc



Lê Long Giang

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP **03 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023**

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Sản xuất, dịch vụ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ:**
 - Chế biến, gia công, kinh doanh lâm sản;
 - Chế biến, gia công, kinh doanh nông sản thực phẩm;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa tổng hợp;
 - Sản xuất, chế biến tinh dầu quế và các sản phẩm từ quế
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
5. **Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:
Bao gồm:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy giấy Yên Bình	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Văn Chấn	Xã Thượng Bằng La, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Minh Quân	Xã Minh Quân, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy xuất khẩu Nguyễn Phúc	Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Nhà máy sản Văn Yên	Xã Đông Công, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái
Nhà máy chế biến tinh dầu quế Văn Chấn	Xã Sơn Lương, huyện Văn Chấn, tỉnh Yên Bái
Nhà máy gia công giấy Phú Thịnh	Xã Phú Thịnh, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Nhà máy giấy Yên Hợp	Xã Yên Hợp, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm sau.
Theo nghị quyết Đại hội Đồng Cổ Đông năm 2018 riêng năm tài chính đầu 2019 của việc chuyển đổi được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 và kết thúc vào ngày 30 tháng 09 năm 2019
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu được hạch toán theo nguyên tắc giá gốc và các khoản dự phòng.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Đối với máy móc thiết bị của Dự án sản Văn Yên số 2 áp dụng phương pháp khấu hao theo sản lượng, công suất thiết kế của dự án là 110.000 tấn sản phẩm (100 tấn sản phẩm/ngày, sản xuất 100 ngày/năm và thực hiện trong vòng 11 năm).

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Tại thời điểm lập báo cáo này phần mềm máy vi tính đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng.

Các tài sản cố định còn lại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Là chi phí phục vụ cho nhiều kỳ sản xuất kinh doanh, được phân bổ cho kỳ sản xuất kinh doanh đến 12 tháng và trên 12 tháng.

6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ, được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của doanh nghiệp.

Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).

Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính của doanh nghiệp.

Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí phát sinh trong kỳ.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền chi cho hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ có tính chất kế hoạch và xảy ra thường xuyên.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối kỳ được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày 31/12/2022: NH Bidv: 23.405 VND/USD; NH Techcombank: 23.410 VND/USD; NH Vietinbank: 23.360 VND/USD; NH Vietcombank: 23.410 VND/USD

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ.

13. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

15. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Đối với thu nhập chịu thuế hoạt động sản xuất, chế biến nông sản tại các Nhà máy sản xuất, chế biến các sản phẩm từ sản tại địa bàn huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái (thuộc địa bàn kinh tế- xã hội khó khăn) thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thuế với suất thuế TNDN 10% trong suốt thời gian hoạt động (Áp dụng kể từ 01/01/2015).

Các dự án còn lại, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm là thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng.

17. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

18. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuận của nợ phải trả tài chính.

11.11.2023

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phát sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

19. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

20. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

1. Tiền và các khoản tương đương tiền		Cuối kỳ (31/12)	Đầu năm (01/10)		
Tiền mặt		1.073.781.129	1.083.372.311		
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		2.001.698.990	25.279.365.148		
Các khoản tương đương tiền		79.600.000.000	127.200.000.000		
<i>Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống</i>					
Cộng		82.675.480.119	153.562.737.459		
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn		Cuối kỳ		Đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn khác		0	0	0	0
Cộng		0	0	0	0
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		Cuối kỳ (31/12)	Đầu năm (01/10)		
JIN CAI SHEN TECHNOLOGY CO., LTD		7.318.734.840	6.922.387.933		
Công ty TNHH JIN TAIR UANTARNG CO.,LTD		2.673.415.679	3.132.353.593		
Công ty TNHH Giấy xuất khẩu Thái Bình		2.527.788.267	1.654.484.915		
Công ty TNHH Giấy Nhân Thành		1.829.670.784	1.397.605.004		
Công ty TNHH Thương mại Giang Biên		1.272.395.892	1.028.155.312		
CÔNG TY CHINH TAI HSIN CO., LTD.		1.064.691.014	4.047.181		
Các khách hàng khác		3.016.121.994	2.148.644.478		
Cộng		19.702.818.470	16.287.678.416		
4. Trả trước cho người bán ngắn		Cuối kỳ (31/12)	Đầu năm (01/10)		
Công ty cổ phần Chứng nhận và Giám định Quốc tế ISOCERT		42.630.000	34.230.000		
Công ty TNHH Đại lý Vận tải Evergreen (Việt Nam)		0	10.000.000		
Công ty cổ phần tư vấn quy hoạch và PT công nghệ Á Châu		75.000.000	75.000.000		
Công ty cổ phần may xuất khẩu Yên Bái		0	113.620.000		
Công ty CP Đầu tư XD SX nhà thép tiền chế Đại Hoàng Yên Bái		606.675.234	0		
Chi nhánh công ty cổ phần EJC tại Yên Bái		75.000.000	0		
Công ty TNHH cơ khí và thương mại Phú Nam		148.250.000	0		
Xí nghiệp tập thể cổ phần Tuấn Tú		226.870.000	0		
Các nhà cung cấp khác		35.478.442	12.408.500		
Cộng		1.209.903.676	245.258.500		
5. Các khoản phải thu ngắn hạn khác		Cuối kỳ (31/12)		Đầu năm (01/10)	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng		660.000.000		473.844.260	
Lãi tiền gửi dự thu		215.136.986		515.731.643	
Thuế TNCN phải thu		4.393.129		27.035.382	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác		105.199.765		24.292.037	
Cộng		984.729.880		1.040.903.322	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	Nợ phải thu, cho vay ngắn	Nợ phải thu, cho vay dài hạn	Cộng
Số đầu năm	(5.657.550)		-
Trích lập dự phòng bổ sung			-
Giảm do thu hồi được nợ	-		-
Số cuối kỳ		-	(5.657.550)

7. Hàng tồn kho	Cuối kỳ (31/12)		Đầu năm (01/10)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu;	14.034.372.348		11.649.761.291	
Chi phí sản xuất KD dở dang;	2.587.836.450		2.500.844.390	
Thành phẩm;	93.300.799.171	-	2.995.498.822	
Hàng gửi đi bán;	0		0	
Cộng	109.923.007.969	-	17.146.104.503	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
Tiền chi phí cắt cùi nhà máy sản VY	53.943.500	98.143.500
Công cụ dụng cụ	503.187.298	47.351.040
Cộng	557.130.798	145.494.540

9. Chi phí trả trước dài hạn	Cuối kỳ	Đầu năm
- Chi phí bảo trì phần mềm, sửa xe và bảo hiểm	77.400.000	91.734.655
- Chi phí sửa chữa đường ống nước thải và mái nhà xưởng tại Yên Bình	0	26.438.370
- Cải tạo khu tập thể NM giấy Yên Bình	98.832.322	148.253.178
- Chi phí Sửa chữa nhà cửa VKT tại Phú Thịnh	140.240.302	209.566.388
- Phí khai thác nước mặt, sửa chữa đường dây điện 35 Kw tại Yên Hợp	102.335.459	132.445.180
- Phí khai thác nước mặt và sửa chữa hệ thống nước thải tại Minh Quân	31.515.125	39.393.912
- Công cụ dụng cụ tại NM sản Văn Yên	0	14.208.217
- Cải tạo nhà cửa VKT NM sản Văn Yên	75.862.863	121.380.578
- Sửa chữa đường vào dây 2 và đường nội bộ NM sản	243.823.632	365.735.454
- Sửa chữa TBA 1250 KVA-NM sản	10.264.148	34.736.500
- Chi phí cải tạo hồ Biogas C2 tại NM sản Văn Yên	1.012.306.755	1.349.742.338
- Chi phí sửa chữa bể xử lý nước thải tại NM giấy Yên Bình	193.769.057	258.358.744
- Chi phí sửa chữa cải tạo máy xeo dây 1 tại NM giấy Yên Bình	172.902.808	230.533.957
- Lập hồ sơ cấp giấy phép xả thải Yên Bình, Yên Hợp, Văn Chấn	39.393.946	49.242.427
Cộng	2.198.646.417	3.071.769.898

10. Phải thu dài hạn khác	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Thuê của nhà thầu nước ngoài	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

11. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	70.880.231.201	98.628.774.512	6.685.893.804	271.871.369	609.470.036	177.076.240.922
Tăng trong kỳ	0	305.558.000	0	0	0	305.558.000
-Do mua sắm mới		305.558.000				305.558.000
-Do phân loại TSCĐ						0
-Do XDCB hoàn thành						0
Giảm trong kỳ	(383.663.355)	0	0	0	0	(383.663.355)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
- Thanh lý, nhượng bán	(383.663.355)					(383.663.355)
Số cuối kỳ	70.496.567.846	98.934.332.512	6.685.893.804	271.871.369	609.470.036	176.998.135.567

*Trong đó:**Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn SD*

	50.888.894.716	49.104.279.470	3.109.693.803	442.871.369	609.470.036	104.155.209.394
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	59.947.331.028	74.010.526.713	4.220.219.028	266.776.330	609.470.036	139.054.323.135
- Tăng do trích khấu hao trong kỳ	966.370.576	2.053.779.641	161.318.940	5.095.039	0	3.186.564.196
- Tăng do điều chỉnh phân loại						0
Giảm trong kỳ	(383.663.355)	0	0	0	0	(383.663.355)
- Giảm theo TT145/2013/TT-BTC						
- Thanh lý, nhượng bán	(383.663.355)					(383.663.355)
Số cuối kỳ	60.530.038.249	76.064.306.354	4.381.537.968	271.871.369	609.470.036	141.857.223.976

Giá trị còn lại

Số đầu năm	10.932.900.173	24.618.247.799	2.465.674.776	5.095.039	-	38.021.917.787
Số cuối kỳ	9.966.529.597	22.870.026.158	2.304.355.836	-	-	35.140.911.591

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

- Là phần mềm kế toán cũ năm 2006 đã được thanh lý và thay thế phần mềm kế toán FAST 11 đưa vào sử dụng từ 01/01/2018

	Nguyên giá	Giá trị KH kỳ	Giá trị đã KH	Giá trị còn lại
Phần mềm Kế toán	171.000.000	0	171.000.000	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp 03 tháng niên độ 2022-2023 (tiếp theo)**13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	3.411.653.220	123.893.924	0	0	3.535.547.144
- Giải phóng mặt bằng mở rộng nhà máy sản Vân Yên số 2	2.919.153.220	114.498.900	0	0	3.033.652.120
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Minh Quân	312.500.000	0	0	0	312.500.000
- Giải phóng mặt bằng, sửa chữa mở rộng nhà máy giấy Vân Chấn	180.000.000	0	0	0	180.000.000
- Cải tạo nhà ăn ca dây chuyền 2 - NM sản Vân Yên		9.395.024	0	0	9.395.024
Sửa chữa lớn tài sản cố định	0	1.943.548.002	0	0	1.943.548.002
- Nhà máy giấy Yên Bình		734.427.075			734.427.075
- Nhà máy giấy Vân Chấn		17.344.000			17.344.000
- Nhà máy giấy Minh Quân		520.698.886			520.698.886
- Bảo quản tình bột sản - Nhà máy sản vân Yên		541.551.483			541.551.483
- Ủ phân vi sinh - Nhà máy sản vân Yên		96.697.778			96.697.778
- Cải tạo hệ thống thu bụi dây chuyền 1-NM sản vân Yên		32.828.780			32.828.780
Cộng	3.411.653.220	2.067.441.926	0	0	5.479.095.146

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH An Hoa	489.888.000	976.866.000
Công ty cổ phần Đông á	400.050.036	665.258.832
Công ty TNHH TM Phúc Hưng	580.048.452	970.249.536
Công ty TNHH TM Hải Ngọc	840.762.000	515.862.000
Công ty cổ phần thương mại đầu tư Vân Long CDC	168.290.460	935.615.124
Công ty Điện lực Yên Bái	1.584.770.517	0
Công ty TNHH Kinh Doanh Xuất Nhập Khẩu Hồng Quân	4.021.789.360	395.340.600
Công ty TNHH TM Hóa chất Ngọc Diệp	503.199.248	474.603.487
Triệu Thiều Lâm	434.971.400	0
HTX Lâm Phương Linh	578.146.096	0
Phạm Quang Mạnh	391.415.100	0
Trần Văn Thảo	843.644.700	0
Nguyễn Thị Quỳnh	898.933.500	0
Đặng Thiết Hùng	777.136.900	0
Trần Văn Chi	478.734.100	0
Bàn Thị Hằng	241.241.200	0
Phạm Thanh Xuân	547.573.100	0
Lâm Văn Khương	1.375.846.700	0
Các nhà cung cấp khác	3.551.160.354	1.893.317.097
Cộng	18.707.601.223	6.827.112.676

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Thái Bình An	165.746.000	0
Công ty TNHH Thương mại Phúc Hưng	0	358.581.600
HTX tiểu thủ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Dũng Thành Phát	0	215.505.224
HTX tiểu thủ công nghiệp dịch vụ tổng hợp Đức Thành Phát	0	14.559.596
Công Ty TNHH Dịch Vụ và Đầu Tư T/Mại Bảo Phương	197.873.280	43.748.974
Các khách hàng khác	107.992.677	52.449.407
Cộng	471.611.957	684.844.801

16. Thuế và các khoản phải nộp

	Đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội	6.532.007.618		1.103.867.133	8.482.670.938		0 846.796.187
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	0		0	0		0
Thuế nhập khẩu	0		0	0		0
Thuế TNDN	5.819.666.142		4.002.341.850	7.819.666.143	2.002.341.849	
Thuế thu nhập cá nhân		0 92.663.877	249.823.749	157.159.872		0
Thuế tài nguyên	12.040.380		85.504.590	64.325.610	33.219.360	
Cộng	12.363.714.140	92.663.877	5.441.537.322	16.523.822.563	2.035.561.209	846.796.187

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Phí bảo vệ môi trường rừng, thuế tài nguyên	232.088.495	358.429.225
Chi phí tiền điện	56.654.839	274.668.137
Chi phí bảo quản sản phẩm tinh bột sắn	700.430.633	0
Chi phí xử lý MT sắn (Duy trì hồ Biogas)	407.827.601	0
Chi phí nhân giống, ủ phân	233.034.100	0
Chi phí quản lý vùng nguyên liệu sắn	293.981.480	0
Tiền hỗ trợ thu mua NL đại lý sắn	414.489.420	0
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	314.317.477	55.000.000
Cộng	2.652.824.045	688.097.362

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Kinh phí công đoàn	153.589.586	135.849.686
Bảo hiểm xã hội	0	726.111.675
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	4.728.530.000	4.943.200.000
<i>Công ty TNHH Thương mại Hải Ngọc</i>	<i>3.728.530.000</i>	<i>2.675.500.000</i>
<i>Công ty TNHH Thương mại Phúc Hưng</i>	<i>0</i>	<i>1.765.800.000</i>
<i>Công ty TNHH Nông nghiệp Quốc tế TPP</i>	<i>0</i>	<i>501.900.000</i>
<i>Công ty cổ phần thương mại và sản xuất Thái Bình An</i>	<i>1.000.000.000</i>	<i>0</i>
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	700.951.583	342.716.121
Cộng	5.583.071.169	6.147.877.482

19. Vay, nợ thuê TC ngắn hạn

	Đầu năm		Cuối kỳ	
	Giá trị	Khả năng trả	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn NH Bidv YBái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái	0	0	0	0
Cộng	0	0	0	0

Chi tiết phát sinh các khoản vay trong kỳ như sau:

	Đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Cuối kỳ
Vay ngắn hạn NH Bidv YBái	0	0	0	0
Vay ngắn hạn NH Vietin Bank YBái	0	0	0	0
	0	0	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**20. Dự phòng phải trả ngắn hạn**

	Cuối kỳ	Đầu năm
Dự phòng chi phí tiền sáng kiến, cải tiến, hợp lý hóa sản xuất	0	10.000.000
Tiền lương bổ sung	3.754.461.755	5.973.221.494
Sửa chữa lớn MMTB, Nhà cửa VKT giấy Yên Bình	820.366.225	0
Sửa chữa lớn MMTB, Nhà cửa VKT giấy Văn Chấn	367.281.597	0
Sửa chữa lớn MMTB, Nhà cửa VKT giấy Minh Quân	511.583.700	0
Sửa chữa lớn MMTB, Nhà cửa VKT giấy Yên Hợp	573.667.890	0
Sửa chữa lớn MMTB Nhà máy sản Văn Yên	358.514.000	0
Sửa chữa dây chuyền sản xuất bã sắn	1.500.000.000	0
Trích trước chi phí trong thời gian dừng sản xuất NM sắn	520.749.591	0
Cộng	8.406.624.758	5.983.221.494

21. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	843.792.934	5.302.520.331	1.071.185.552	5.075.127.713
Quỹ phúc lợi	474.914.448	2.121.008.133	492.914.448	2.103.008.133
	1.318.707.382	7.423.528.464	1.564.100.000	7.178.135.846

22. Phải trả người bán dài hạn

	Cuối kỳ	Đầu năm
Công ty TNHH thiết bị công nghiệp HTC Vĩnh Phúc	1.850.000	1.850.000
Cộng	1.850.000	1.850.000

23. Phải trả dài hạn khác

	Cuối kỳ	Đầu năm
Ông Hà Xuân Quảng	5.000.000	5.000.000
Công ty TNHH DV vận tải Đỗ Cường	20.000.000	20.000.000
Cộng	25.000.000	25.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**24 Vốn đầu tư của chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của chủ sở hữu**

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn CP	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	52.360.230.000	323.060.671	8.042.628.692	58.750.641.328	119.476.560.691
Lợi nhuận trong kỳ				106.050.406.628	106.050.406.628
Trích lập các quỹ trong kỳ			1.145.022.553	(5.152.601.487)	(4.007.578.934)
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận	26.179.450.000			(26.179.450.000)	0
Chi cổ tức trong năm				(26.180.115.000)	(26.180.115.000)
Thường Ban lãnh đạo				(1.145.022.553)	(1.145.022.553)
Số dư cuối năm trước	78.539.680.000	323.060.671	9.187.651.245	106.143.858.916	194.194.250.832
Số dư đầu năm nay	78.539.680.000	323.060.671	9.187.651.245	106.143.858.916	194.194.250.832
Lợi nhuận trong kỳ				20.002.342.642	20.002.342.642
Trích lập các quỹ trong kỳ			31.815.121.988	(39.238.650.452)	(7.423.528.464)
Tăng vốn ĐL từ lợi nhuận					0
Chi cổ tức trong năm					0
Thường Ban lãnh đạo				(3.181.500.000)	(3.181.500.000)
Số dư cuối năm nay	78.539.680.000	323.060.671	41.002.773.233	83.726.051.106	203.591.565.010

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Cuối kỳ	Đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	78.539.680.000	78.539.680.000
Thặng dư vốn cổ phần	323.060.671	323.060.671
Cộng	78.862.740.671	78.862.740.671
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	78.539.680.000	78.539.680.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	0	0
d) Cổ phiếu	Cuối kỳ	Đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	7.853.968	7.853.968
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.853.968	7.853.968
+ Cổ phiếu phổ thông	7.853.968	7.853.968
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.853.968	7.853.968
* <i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :</i>	10.000	10.000
đ) Cổ tức		
- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
+ Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	2.547	13.501
e) Các quỹ của doanh nghiệp:		
- Quỹ đầu tư phát triển;	41.002.773.233	9.187.651.245
25. Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán	Cuối kỳ	Đầu năm
Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	6.217.661.463	3.847.514.516
Nợ khó đòi đã xử lý		
Ngoại tệ các loại: USD	1.036,86	1.037.283,76

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*Đơn vị tính: VND*

1. Tổng doanh thu bán hàng và dịch vụ	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	158.113.236.926	165.298.580.147
Trong đó: Doanh thu nội địa	70.693.357.139	84.321.973.199
DT xuất khẩu trực tiếp	87.419.879.787	80.976.606.948
- <i>DT Sản phẩm Giấy vàng mã</i>	<i>25.146.835.005</i>	<i>33.309.911.150</i>
<i>Tương đương Tiền USD</i>	<i>1.074.375,59</i>	<i>1.470.636,25</i>
- <i>DT Sản phẩm Giấy đề XK</i>	<i>10.186.094.782</i>	<i>7.030.770.798</i>
<i>Tương đương Tiền USD</i>	<i>435.191,61</i>	<i>310.409,31</i>
- <i>DT Sản phẩm Tinh bột sắn</i>	<i>52.086.950.000</i>	<i>40635925000</i>
<i>Quy ra USD</i>	<i>2.225.367,43</i>	<i>1794081</i>
Tổng cộng USD:	3.734.934,62	3.575.126,13
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
Doanh thu thuần	158.113.236.926	165.298.580.147

2. Các khoản giảm trừ doanh thu	Năm nay	Năm trước
	0	0

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
3. Giá vốn hàng bán		
- Giá vốn của thành phẩm đã bán;	119.741.319.458	131.740.114.979
	119.741.319.458	131.740.114.979
4. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	945.139.868	529.730.688
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	250.834.822	228.647.512
- Lãi C/lệch tỷ giá do đánh giá lại		
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	0	0
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	61.110.719	64.366.559
Cộng	1.257.085.409	822.744.759
5. Chi phí tài chính		
- Chi phí lãi vay	0	1.890.400
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	27.447.505	41.469.976
- Lỗ C/lệch tỷ giá do đánh giá lại		
các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	275.530.266	112.022.633
- Chi phí tài chính khác		
	302.977.771	155.383.009
6. Thu nhập khác		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	0	0
Cộng	0	0
7. Chi phí khác		
- Các khoản bị phạt; chậm nộp	46.000.000	472.132.983
- Chi phí khác	0	0
Cộng	46.000.000	472.132.983
8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp		
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh		
Chi phí nhân viên quản lý	4.034.300.781	4.552.595.921
Chi phí vật liệu quản lý	97.059.053	60.465.226
Chi phí đồ dùng văn phòng	277.243.860	165.331.593
Chi phí khấu hao TSCĐ	140.567.323	241.785.603
Thuế, phí và lệ phí	520.260.109	258.513.402
Chi phí dịch vụ mua ngoài	169.833.507	233.740.240
Chi phí bằng tiền khác	1.829.224.559	1.049.993.283
Cộng	7.068.489.192	6.562.425.268
b) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	8.206.851.422	5.377.890.998

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Cộng	8.206.851.422	5.377.890.998
-------------	----------------------	----------------------

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành

Năm nay	Năm trước
4.002.341.850	4.907.052.093
4.002.341.850	4.907.052.093

Người lập biểu



Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Sơn

Năm trước

4.907.052.093

4.907.052.093

Lập ngày 17 tháng 01 năm 2023

Giám đốc



Lê Long Giang



CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: VND

Năm nay	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)	Giấy để	Giấy vàng mã	Tinh bột sắn	Tinh dầu quế	Giấy lẻ + Ván bóc+rác ván	Loại trừ nội bộ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	46.871.889.282	25.146.835.005	85.713.262.639	-	381.250.000	-	158.113.236.926	
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	17.739.275.288	20.312.099.353	57.176.360.512	(135.674.897.518)	-	-	-	
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.739.275.288	45.458.934.358	142.889.623.151	(135.674.897.518)	-	381.250.000	158.113.236.926	
Chi phí bộ phận	-	34.771.395.449	77.680.028.234	-	-	-	134.635.410.072	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	-	12.100.493.833	8.033.234.405	-	-	-	23.096.576.854	
Các khoản giảm trừ Doanh thu	-	-	-	-	-	-	-	
Doanh thu hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	1.257.085.409	
Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	(302.977.771)	
Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	(46.000.000)	
Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	(4.002.341.850)	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	20.002.342.642	

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Tại Văn phòng Công ty (hoạt động khác)					Tích đầu quá	Cộng
	Giấy để	Giấy vàng mã	Tích bột sắn	Tích dầu quá	Cộng		
Số cuối năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	17.540.981.692	1.854.314.804	92.257.129.362	30.730.437	258.712.862.703		
Tài sản phân bổ cho bộ phận	7.982.419.190	1.247.497.938	33.719.589.057	273.002.731	-		
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-		
Tổng tài sản	25.523.400.882	3.101.812.742	125.976.718.419	303.733.168	258.712.862.703		
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	21.160.503.598	1.733.723.728	98.108.066.010	30.730.437	55.121.297.693		
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-		
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-		
Tổng nợ phải trả	21.160.503.598	1.733.723.728	98.108.066.010	30.730.437	55.121.297.693		
Số đầu năm							
Tài sản trực tiếp của bộ phận	10.291.210.056	1.856.744.927	5.704.746.173	30.730.437	233.020.523.972		
Tài sản phân bổ cho bộ phận	7.737.744.078	1.045.554.634	27.437.383.078	99.902.197	-		
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-		
Tổng tài sản	18.028.954.134	2.902.299.561	33.142.129.251	130.632.634	233.020.523.972		
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	10.291.210.056	1.856.744.927	5.704.746.173	30.730.437	38.826.273.140		
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-		
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-		
Tổng nợ phải trả	10.291.210.056	1.856.744.927	5.704.746.173	30.730.437	38.826.273.140		

CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM NÔNG SẢN THỰC PHẨM YÊN BÁI

Địa chỉ: Phường Nguyễn Phúc, Thành phố Yên Bái, Tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

03 tháng của năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2023

Bản thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước (nội địa) và khu vực nước ngoài (xuất khẩu)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Khu vực nội địa	70.693.357.139	84.321.973.199
Khu vực xuất khẩu	87.419.879.787	80.976.606.948
Cộng	<u>158.113.236.926</u>	<u>165.298.580.147</u>

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cộng	<u>(2.372.999.926)</u>	<u>(1.039.674.545)</u>

Người lập biểu

Lương Quốc Quyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thanh Sơn



Lập, ngày 17 tháng 01 năm 2023

Giám đốc

Lê Long Giang